

6. **Erpacal E, Bahsi E, Sonkaya E.** (2018) "Dental Erosion and Treatment Methods". International Biol Biomed Journal, 4 (4)
7. **Oliveira DWD, Marques DP, Aguirre-Cantuaria IC, et al.** Effect of Surgical Defect Coverage on Cervical Dentin Hypersensitivity and Quality of Life. journal of Periodontology. 2013;84(6):768-775.
8. **A Pilot Study of Integration of Medical and Dental Care in 6 States Implementation evaluation** — Volume 18 — July 22, 2021).

KIẾN THỨC VỀ TIÊU CHẢY CẤP CỦA BÀ MẸ CÓ CON DƯỚI 5 TUỔI ĐANG ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN VINMEC TIMES CITY NĂM 2023 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Thị Huệ¹, Bùi Hoài Nam², Ngô Thị Thu Hiền³,
Nguyễn Thị Lệ Quyên¹, Nguyễn Thị Thanh Hoa¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kiến thức về tiêu chảy cấp của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi đang điều trị tại bệnh viện Vinmec Times City năm 2023 và phân tích một số yếu tố liên quan. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích. **Kết quả:** Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức chung đúng về tiêu chảy cấp là 33,2%; trong đó tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về định nghĩa tiêu chảy cấp chiếm 61,1%, kiến thức đúng về nguyên nhân gây bệnh chiếm 65,4%, kiến thức đúng về dấu hiệu mất nước chiếm 61,5%, kiến thức đúng về dấu hiệu cần đưa trẻ đến cơ sở y tế chiếm 64,1%, kiến thức đúng về phòng bệnh đạt 45,2%, kiến thức đúng về sử dụng Oresol bù điện giải cho trẻ đạt 53,2%. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức chung của bà mẹ về tiêu chảy cấp với một số yếu tố như: tuổi, nghề nghiệp, tình trạng kinh tế, trình độ học vấn, và nơi ở. **Kết luận:** Cần triển khai nghiên cứu tiếp theo để tìm hiểu rõ hơn về thực trạng kiến thức về tiêu chảy cấp của bà mẹ có con dưới 5 tuổi và một số yếu tố liên quan khác như nguồn thông tin tiếp cận, thứ tự sinh của trẻ, tình trạng sức khỏe của con, số lần bị tiêu chảy cấp của con,...

Từ khóa: kiến thức, tiêu chảy cấp, bà mẹ có trẻ dưới 5 tuổi, bệnh viện Vinmec Times city

SUMMARY

KNOWLEDGE ON ACUTE DIARRHEA OF MOTHERS WITH CHILDREN UNDER 5 YEARS OLD BEING TREATED AT VINMEC TIMES CITY HOSPITAL IN 2023 AND SOME RELATED FACTORS

Objectives: Assessment of the knowledge of maternal with children under 5 years old who were receiving treatment at Vinmec Times City Hospital in

2023 on acute diarrhea and analyzing relevant factors. **Methodology:** Analytical cross – sectional description. **Results:** The outcomes of the study reveal that 33.2% of the surveyed mothers possessed accurate overall knowledge on acute diarrhea. In which, 61.1% demonstrated a correct comprehension of the disease's definition, 65.4% accurately identified its causes, 61.5% correctly recognized signs of dehydration, 64.1% were knowledgeable about indicators necessitating medical attention for their children, 45.2% exhibited proper awareness of disease prevention, and 53.2% had accurate knowledge regarding the use of Oresol for electrolyte replacement in children. Furthermore, a statistically significant association was observed between mothers' knowledge of acute diarrhea and several variables including age, occupation, economic status, educational attainment, and place of residence. **Conclusion:** The study strongly suggested further research on knowledge about acute diarrhea of mothers with children under 5 years old and other related factors such as access to information sources, number of children in the family, the child's health status, the number of times the child has acute diarrhea, etc. **Keywords:** knowledge, acute diarrhea, mother with children under 5 years old, Vinmec Times City hospital.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh tiêu chảy cấp là một trong những nguyên nhân gây tử vong hàng đầu cho trẻ em dưới 5 tuổi nói chung, đặc biệt là trẻ em dưới 24 tháng tuổi nói riêng tại các nước đang phát triển [8]. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, gần 9 triệu trẻ dưới 5 tuổi tử vong mỗi ngày và tiêu chảy cấp là nguyên nhân thứ hai sau viêm phổi gây ra những ca tử vong đó [7]. Tại Việt Nam, trẻ dưới 5 tuổi mắc trung bình 2,2 đợt tiêu chảy cấp/năm. Có khoảng 1100 trẻ em dưới 5 tuổi tử vong do tiêu chảy cấp mỗi năm [1]. Tại bệnh viện Vinmec Times City năm 2022, có hơn 2000 lượt trẻ dưới 5 tuổi mắc tiêu chảy cấp đến khám và điều trị, có nhiều trường hợp trẻ tái mắc hoặc cả anh chị

¹Trường Đại học Thăng Long

²Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times city

³Viện Khoa học Môi trường

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Huệ

Email: nguyenhue.yhd@gmail.com

Ngày nhận bài: 12.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 14.11.2023

Ngày duyệt bài: 27.11.2023

em trong gia đình đều bị mắc bệnh. Vậy, kiến thức về tiêu chảy cấp của bà mẹ có con dưới 5 tuổi điều trị tại bệnh viện Vinmec Times city như thế nào? Những yếu tố nào có liên quan đến kiến thức của đối tượng nghiên cứu? Cho đến nay, chưa có nghiên cứu nào được thực hiện để trả lời hai câu hỏi trên. Do vậy, đề tài nghiên cứu "Kiến thức về tiêu chảy cấp của bà mẹ có con dưới 5 tuổi đang điều trị tại bệnh viện Vinmec Times City năm 2023 và một số yếu tố liên quan" được thực hiện với hai mục tiêu: 1) *Đánh giá kiến thức về tiêu chảy cấp của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi đang điều trị tại bệnh viện Vinmec Times City năm 2023* và 2) *Phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức về tiêu chảy cấp của đối tượng nghiên cứu.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Các bà mẹ có con dưới 5 tuổi đang được điều trị tiêu chảy cấp (TCC) tại bệnh viện Vinmec Times City. Tiêu chuẩn lựa chọn: Có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ tiếng Việt; Sẵn sàng để tham gia vào nghiên cứu; Có con dưới 5 tuổi được chẩn đoán TCC đang điều trị tại bệnh viện. Tiêu chuẩn loại trừ: Bà mẹ không đồng ý tham gia nghiên cứu hoặc bỏ cuộc giữa chừng; Các bà mẹ không trực tiếp nuôi và chăm sóc con.

2.2. Thời gian nghiên cứu và địa điểm nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3/2023 đến tháng 9/2023 tại bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City, số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2.3. Thiết kế nghiên cứu. Thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả kết hợp phân tích

2.4. Cỡ mẫu. Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ trong nghiên cứu dịch tễ học mô tả:

$$n = \frac{Z^2(1-\alpha/2)p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cần điều tra; p: bà mẹ có kiến thức đạt về tiêu chảy cấp, lấy p = 0,59 (Theo nghiên cứu của tác giả Lưu Thị Mỹ Thục và cộng sự năm 2018)[4]; Z: hệ số tin cậy, ứng với độ tin cậy 95% (α = 5%) thì Z_{1-α/2} = 1,96; d: sai số tuyệt đối cho phép, lấy d = 0,06. Thay các hệ số vào công thức trên có số mẫu cần thiết cho nghiên cứu là n = 259 bà mẹ. Cỡ mẫu thực tế trong nghiên cứu thu được là n = 301. Chọn mẫu thuận tiện đến khi đủ số lượng mẫu: tiến hành chọn bà mẹ có con dưới 5 tuổi đang điều trị tiêu chảy cấp tại Bệnh viện và đồng

ý tham gia nghiên cứu cho đến khi đủ cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu: Phòng vấn bằng phiếu hỏi thiết kế sẵn.

2.6. Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 rồi được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Nghiên cứu này sử dụng thống kê mô tả (phần trăm, trung bình, độ lệch chuẩn), thống kê trắc nghiệm tương quan OR, 95%CI.

2.7. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu đảm bảo mọi nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học. Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng khoa học tại Trường Đại học Thăng Long theo Quyết định số 23042104/QĐ-ĐHTL ngày 21 tháng 04 năm 2023 và được sự phê duyệt thu thập số liệu của Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Times city.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu (n=301)

Đặc điểm	Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tuổi	< 25 tuổi	55	18,2
	25 – 35 tuổi	188	62,5
	Trên 35 tuổi	58	19,3
Nghề nghiệp	Tiểu thương	99	32,9
	Nội trợ	57	18,9
	Công nhân, nông dân	4	1,4
Trình độ học vấn	Cán bộ viên chức	141	46,8
	Tiểu học	1	0,3
	THCS	1	0,3
	THPT	71	23,6
Khu vực sinh sống	Trung cấp/cao đẳng	111	36,9
	Đại học/sau đại học	117	38,9
Nơi ở	Nông thôn	60	19,9
	Thành thị	241	80,1
Tình trạng kinh tế gia đình	Nhà thuê	59	19,6
	Nhà riêng	242	80,4
Tình trạng hôn nhân	Khó khăn	109	36,2
	Thoải mái	192	63,8
Tình trạng hôn nhân	Đã kết hôn	295	98,0
	Ly hôn, ly thân	6	2,0

Bảng 1 cho thấy, bà mẹ từ 25 đến 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất, thấp nhất là tỷ lệ bà mẹ dưới 25 tuổi (62,5% so với 18,2%); bà mẹ là cán bộ viên chức và tiểu thương chiếm tỷ lệ cao, lần lượt là 46,8% và 32,9%; bà mẹ là công nhân, nông dân chiếm tỷ lệ thấp nhất (1,4%). Phần lớn bà mẹ có trình độ từ trung cấp trở lên (75,8%). Tỷ lệ bà mẹ sinh sống ở thành thị cao hơn bà mẹ

sinh sống tại nông thôn (80,1% so với 19,9%). Tương tự, tỷ lệ bà mẹ có nhà riêng cao hơn những bà mẹ đang ở nhà thuê (80,4% với 19,6%). Về tình trạng kinh tế của gia đình, tỷ lệ bà mẹ có tình trạng kinh tế thoải mái cao hơn so với bà mẹ có tình trạng kinh tế khó khăn (63,8% so với 36,2%). Chỉ có 2% bà mẹ đang ở trong tình trạng đã ly hôn hoặc ly thân.

3.2. Kiến thức về tiêu chảy cấp của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Kiến thức của bà mẹ về tiêu chảy cấp (n=301)

Kiến thức của bà mẹ	Kiến thức đúng		Kiến thức chưa đúng	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Định nghĩa tiêu chảy cấp	184	61,1	117	38,9
Nguyên nhân gây bệnh	196	65,4	105	34,6
Dấu hiệu mất nước	185	61,5	116	32,5
Dấu hiệu cần đưa trẻ đến cơ sở y tế	193	64,1	108	35,9

Bảng 4. Mối liên quan giữa đặc điểm thông tin chung và kiến thức về tiêu chảy cấp của DTNC (n=301)

Yếu tố liên quan		Kiến thức				OR (95%CI)	P
		Đúng		Chưa đúng			
		SL	%	SL	%		
Tuổi	Trên 35 tuổi (1)	19	32,8	39	67,2	OR _{1/3} = 3,3 (1,3 – 8,8)	0,01
	25 – 35 tuổi (2)	74	42,6	114	57,4	OR _{2/3} = 4,5 (1,9-10,4)	
	< 25 tuổi (3)	7	1,8	48	98,2		
Nghề nghiệp	Cán bộ công chức, tiểu thương	91	37,9	149	62,1	3,5 (1,7-7,5)	0,01
	Nông dân, công nhân, nội trợ	9	14,8	52	85,2		
Kinh tế	Thoải mái	79	41,1	113	58,9	2,9 (1,7 – 5,1)	0,01
	Khó khăn	21	19,3	88	80,7		
Trình độ học vấn	TC/CD/ĐH/SĐH	89	39,1	139	60,9	3,6 (1,8- 7,1)	0,01
	Từ THPT trở xuống	11	15,3	61	84,7		
Nơi ở	Nhà riêng	92	38,0	150	62,0	3,9 (1,8-8,6)	0,01
	Nhà thuê	8	13,6	51	86,4		

Kết quả Bảng 4 cho thấy, có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức chung của bà mẹ và một số yếu tố thông tin chung như tuổi, nghề nghiệp, kinh tế, trình độ học vấn, và nơi ở. Theo đó, bà mẹ trên 35 tuổi có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn 3,3 lần so với bà mẹ dưới 25 tuổi; bà mẹ từ 25 – 35 tuổi có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn 4,5 lần so với bà mẹ dưới 25 tuổi. Theo nghề nghiệp, bà mẹ là cán bộ công chức, tiểu thương có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn 3,5 lần so với bà mẹ là nông dân, công nhân, nội trợ. Bà mẹ có tình trạng kinh tế thoải mái có khả năng có kiến thức đúng

Các biện pháp phòng bệnh	136	45,2	165	54,8
Sử dụng Oresol bù dịch cho trẻ	160	53,2	141	46,8

Bảng 2 cho thấy tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về định nghĩa tiêu chảy cấp là 61,1%. Kiến thức đúng về nguyên nhân gây bệnh chiếm tỷ lệ 65,4%. Các bà mẹ có kiến thức chưa đúng về các dấu hiệu mất nước chiếm tỷ lệ 32,5%. Số bà mẹ có kiến thức đúng về các dấu hiệu cần đưa con đến khám tại các cơ sở y tế chiếm tỷ lệ 64,1%. Có 45,2% các bà mẹ có kiến thức đúng về các biện pháp phòng bệnh như ăn uống đảm bảo vệ sinh và xử lý phân an toàn cho trẻ. Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về sử dụng Oresol đường uống bù dịch cho trẻ đạt 53,2%.

Bảng 3. Kiến thức chung của bà mẹ về tiêu chảy cấp (n=301)

Kiến thức chung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đúng	100	33,2
Kiến thức chưa đúng	201	66,8

Kết quả Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ bà mẹ có kiến thức chung đúng về tiêu chảy cấp là 33,2%.

về tiêu chảy cấp cao hơn 2,9 lần so với bà mẹ có kinh tế khó khăn. Bà mẹ có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn 3,6 lần so với bà mẹ có trình độ học vấn từ THPT trở xuống. Bà mẹ ở nhà riêng có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn 3,9 lần so với bà mẹ ở nhà thuê.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ kiến thức chung đúng của bà mẹ về bệnh TCC là 33,2%. Kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu của Phan Hoàng Thùy Linh thực hiện tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2017 trên đối tượng các

bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc TCC, với tỷ lệ kiến thức chung đạt của bà mẹ là 32,3% [3]. Trong nghiên cứu này, có 61,1% bà mẹ có kiến thức đúng về định nghĩa của bệnh tiêu chảy cấp. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Đức Hùng thực hiện tại Bệnh viện Nhi Hải Dương năm 2020 (68,7%) [2], nhưng lại cao hơn so với nghiên cứu của Ayalew và cộng sự tại Northwest Ethiopia năm 2018 (57,0%) [5]. Tỷ lệ các bà mẹ có kiến thức đúng về nguyên nhân TCC đạt 65,1%, trong đó tỷ lệ cao bà mẹ cho rằng nguyên nhân gây bệnh là ăn thức ăn không đảm bảo vệ sinh (99,3%), sử dụng nguồn nước không đảm bảo vệ sinh (87,0%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Phan Hoàng Thùy Linh cho thấy đa số các bà mẹ chỉ mới biết nguyên nhân gây tiêu chảy là do thức ăn không đảm bảo vệ sinh (97,2%), sử dụng nguồn nước không đảm bảo vệ sinh (73,9%), không rửa tay thường xuyên (57,3%) và xử lý phân không hợp vệ sinh (55,0%) [3]. Kiến thức về nhận biết được dấu hiệu mất nước của trẻ rất quan trọng cho việc chăm sóc trẻ, tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về dấu hiệu mất nước đạt 61,5%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Đức Hùng chỉ ra rằng 58,8% bà mẹ nhận biết đúng và đủ về dấu hiệu mất nước [2]. Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về phòng bệnh chỉ đạt 42,5%, trong đó đa số các bà mẹ chỉ biết đến phòng bệnh qua vệ sinh tay và đảm bảo vệ sinh ăn uống. Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Salule Joseph Masangwi và cộng sự: 30,30% các bà mẹ cho rằng an toàn nguồn nước là biện pháp phòng tiêu chảy; 25,7% các bà mẹ cho rằng vệ sinh nguồn nước và 23,90% các bà mẹ cho rằng vệ sinh dụng cụ nấu ăn là những biện pháp phòng bệnh [6]. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về sử dụng Oresol đường uống bù dịch cho trẻ đạt 53,2%. Về cách pha và bảo quản Oresol, có 66,8% các bà mẹ biết cách pha Oresol đúng theo hướng dẫn trên gói; 60,1% bà mẹ biết sử dụng nước đun sôi để nguội để pha Oresol; 70,4% các bà mẹ biết bảo quản Oresol trong các dụng cụ đảm bảo vệ sinh và 47,2% bà mẹ biết bảo quản Oresol trong vòng 24 giờ. Kết quả này cũng tương đồng nghiên cứu của Nguyễn Đức Hùng tại Nhi Hải Dương, với tỷ lệ kiến thức đúng về cách pha Oresol, dụng cụ bảo quản và thời gian bảo quản lần lượt là 69,8%; 84,3%; 69,3% [2].

Trong nghiên cứu này, có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức chung về tiêu chảy cấp và một số đặc điểm nhân khẩu học của các bà mẹ bao gồm: tuổi, nghề nghiệp, kinh tế,

trình độ học vấn, và nơi ở. Theo độ tuổi, bà mẹ có độ tuổi từ 25 tuổi trở lên có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn so với các bà mẹ dưới 25 tuổi. Theo nghề nghiệp, bà mẹ làm cán bộ viên chức, tiểu thương có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn 3,5 lần so với bà mẹ làm công việc khác. Lý giải cho kết quả này có thể là do những bà mẹ này có nhiều cơ hội tiếp cận với các nguồn thông tin về TCC và chăm sóc trẻ tốt hơn so với những bà mẹ làm nội trợ, nông dân. Theo trình độ học vấn, bà mẹ có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn 3,6 lần so với bà mẹ có trình độ học vấn dưới trung cấp. Kết quả của chúng tôi tương đồng với kết quả của Phan Hoàng Thùy Linh, cho rằng những bà mẹ có trình độ học vấn cao sẽ có kiến thức về bệnh cao gấp 2,83 những bà mẹ có trình độ học vấn thấp hơn [3]. Theo tình trạng kinh tế, các bà mẹ có kinh tế thoải mái có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn 2,9 lần so với những bà mẹ có kinh tế khó khăn. Những gia đình có kinh tế khó khăn thường sẽ phải lo toan về việc kiếm tiền, công việc thường nặng nhọc và tốn nhiều thời gian hơn nên sẽ ít có thời gian để chăm sóc con cái và tìm hiểu các kiến thức liên quan đến chăm sóc trẻ. Liên quan với nơi ở, bà mẹ ở nhà riêng có khả năng có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp cao hơn 3,9 lần so với bà mẹ ở nhà thuê. Kết quả này cũng phù hợp vì khi ở nhà riêng, cuộc sống ổn định hơn, bà mẹ cũng đỡ chịu áp lực về kinh tế và có thể yên tâm hơn trong tìm hiểu kiến thức phòng bệnh tốt hơn.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ bà mẹ có con dưới 5 tuổi đang điều trị tại bệnh viện Vimec Times City có kiến thức đúng về tiêu chảy cấp là 33,2%. Các yếu tố liên quan đến kiến thức về tiêu chảy cấp của bà mẹ bao gồm tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, tình trạng kinh tế và nơi ở.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Thị Kiều Anh, Nguyễn Văn Tuấn** (2021). "Kiến thức, thực hành chăm sóc của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi bị tiêu chảy cấp tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An năm 2021". Tạp chí Y học Việt Nam. 513(2).
2. **Nguyễn Đức Hùng** (2020). "Thực trạng bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ dưới 5 tuổi và kiến thức, thực hành của bà mẹ tại bệnh viện Nhi Hải Dương năm 2020". Luận văn bác sĩ chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
3. **Phan Hoàng Thùy Linh** (2018). "Kiến thức, thực hành của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc tiêu chảy cấp tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng năm 2017". Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 1: tr. 44-50

4. Lưu Thị Mỹ Thực, Trương Thị Phương, Phạm Thu Hiền (2017). "Kiến thức về tiêu chảy cấp của các bà mẹ có con tiêu chảy cấp điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2017". Tạp chí y học dự phòng. 28: tr. 35-41
5. A. M. Ayalew et al (2018). "Assessment of Diarrhea and Its Associated Factors in Under-Five Children among Open Defecation and Open Defecation-Free Rural Settings of Dangla District, Northwest Ethiopia". J Environ Public Health. 2018: tr. 4271915
6. S. Masangwi và các cộng sự (2016). "Care-Seeking for Diarrhoea in Southern Malawi: Attitudes, Practices and Implications for Diarrhoea Control, 2016". Int J Environ Res Public Health. 13(11).
7. WHO (2018). Acute diarrhoeal diseases in complex emergencies: critical steps.
8. Zenebe G. A. et al (2022). Level of Mothers/Caregivers; Healthcare-Seeking Behavior for Child's Diarrhea, Fever, and Respiratory Tract Infections and Associated Factors in Ethiopia: A Systematic Review and Meta-Analysis. Biomed Res Int. 2022, pp. 4053085.

BÁO CÁO CA LÂM SÀNG: UNG THƯ THỰC QUẢN 3 VỊ TRÍ ĐÁP ỨNG TỐT VỚI HÓA XẠ TRỊ

Nguyễn Thị Minh Phương¹, Vi Thành Long¹, Nguyễn Minh Dũng¹
Nguyễn Trí Trung Anh¹, Nguyễn Bảo Long²

TÓM TẮT

Ung thư thực quản là bệnh phổ biến trên thế giới và tại Việt Nam. Châu Á là một điểm nóng về ung thư thực quản với khoảng xấp xỉ 80% tổng số các trường hợp ung thư thực quản mới mắc và tử vong hàng năm. Hiện nay, các hướng dẫn về điều trị ung thư thực quản đã tương đối đầy đủ cho các trường hợp điển hình. Tuy nhiên, vẫn còn đó những trường hợp bệnh đặc biệt, hiếm gặp chưa có sự thống nhất trong điều trị. Vị trí khối u là một căn cứ quan trọng trong lựa chọn phương pháp điều trị ung thư thực quản. Đa số các trường hợp ung thư thực quản chỉ tồn tại 1 khối u, số các trường hợp ung thư thực quản có 2 khối u thuộc 2 đoạn rất ít và số trường hợp có 3 khối u thuộc 3 đoạn được coi là hiếm gặp. Chúng tôi báo cáo trường hợp lâm sàng ung thư thực quản 3 vị trí khác nhau ở một bệnh nhân nam 62 tuổi, đáp ứng hoàn toàn với hóa xạ trị đồng thời sử dụng kỹ thuật xạ trị điều biến liều (IMRT), có thời gian sống thêm không bệnh (DFS) và thời gian sống thêm toàn bộ (OS) là 36 tháng tính đến thời điểm hiện tại. Mục tiêu của báo cáo là bổ sung cho y văn một trường hợp bệnh hiếm gặp, nhấn mạnh vai trò của hóa xạ trị đồng thời sử dụng kỹ thuật xạ trị điều biến liều trong điều trị ung thư thực quản.

SUMMARY

**CASE REPORT: SYNCHOROUS TRIPLE
PRIMARY SQUAMOUS CELL ESOPHAGEAL
CARRCINOMA WELL-RESPONDED TO
CONCURRENT CHEMORADIOTHERAPY**

Esophageal cancer is a common disease worldwide and in Vietnam. Asia is a hotspot for esophageal cancer with approximately 80% of new cases and deaths from esophageal cancer occurring annually. Currently, guidelines for treating typical cases of esophageal cancer are relatively comprehensive. However, there are still special and rare cases that have not been uniformly treated. The location of the tumor is an important consideration when selecting a treatment for esophageal cancer. The majority of esophageal cancer cases involve only one tumor, while cases with two tumors in two segments are very rare, and cases with three tumors in three segments are considered extremely rare. We report a rare clinical case of esophageal cancer with tumors in three different locations in a 62-year-old male patient who complete-responded to concurrent chemoradiotherapy with intensity-modulated radiation therapy (IMRT). The patient achieved disease-free survival (DFS) and overall survival (OS) of 36 months up to the present time. The objective of this report is to contribute the information of a rare case to medical literature and emphasize the role of concurrent chemoradiotherapy with intensity-modulated radiation therapy in treating esophageal cancer.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư thực quản (UTTQ) là bệnh phổ biến, đứng thứ 9 về số ca mới mắc và đứng thứ 6 về số trường hợp tử vong do ung thư tính trên toàn thế giới. Châu Á là một điểm nóng về ung thư thực quản với khoảng xấp xỉ 80% số các trường hợp ung thư thực quản mới mắc và tử vong hàng năm. Tại Việt Nam năm 2020 ghi nhận trên 3200 trường hợp mắc mới và khoảng 3000 trường hợp tử vong do ung thư thực quản [1][2].

Hiện nay, các hướng dẫn về điều trị ung thư thực quản đã tương đối đầy đủ cho các trường hợp điển hình. Tuy nhiên, vẫn còn những trường hợp bệnh đặc biệt, hiếm gặp chưa có sự thống

¹Bệnh viện 19-8 - Bộ Công an

²Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Minh Phương

Email: nguyentrunganh@gmail.com

Ngày nhận bài: 12.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 10.11.2023

Ngày duyệt bài: 24.11.2023